TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST

Ngày: 24-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế;

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2020/TLST-HS ngày 29/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 10/7/2020, đối với bị cáo:

Trần Minh P, sinh năm 1991; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Trần Văn H và bà Trần Thị T; Vợ Trần Thị Tuyết H và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 18/4/2020; Tạm giam từ ngày 27/4/2020 đến nay; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 305, khóm B 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Khóm B 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)

3. Ông Hứa Thanh Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 126, khóm B 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ; (vắng mặt)

4. Ông Trần Văn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 359, khóm B 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh P là đối tượng sử dụng ma túy. Vào khoảng 08 giờ ngày 17/4/2020, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66F8-7625 từ nhà vợ P tại khóm B2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ đến thành phố L, tỉnh A để mua 01 bịch ma túy tổng hợp (bên trong có 03 bịch nylon nhỏ chứa ma túy được hàn kín) của một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với giá 400.000 đồng, rồi mang về sử dụng. Sau đó, P để bịch ma túy vào trong túi quần Jean phía trước bên phải và điều khiển xe về lại huyện L.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, P vẫn để bịch ma túy trong túi quần Jean rồi điều khiển xe mô tô trên đến nhà anh Hứa Minh Đ tại khóm B2, thị trấn L để nhậu, nhưng đến nhà thì vợ anh Đ không cho nhậu, nên P cùng 01 người bạn của anh Đ đi vòng ra phía sau nhà anh Đ nói chuyện.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, lực lượng Công an thị trấn L tuần tra ngang phát hiện có người tụ tập nên đến kiểm tra. Theo lời khai của Trần Minh P: Khi thấy Công an vào sợ bị bắt, nên P lấy bịch ma túy đang cất giấu trong túi quần Jean phía trước, bên phải ra rồi khom người xuống nhét bịch ma túy vào trong vỏ bao thuốc lá hiệu JET có sẵn dưới mặt đất, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ của Trần Minh P gồm: 01 (một) bịch nylon dạng nắp kẹp được để trong một vỏ bao thuốc lá hiệu JET, bên trong bịch nylon có 03 bịch nylon nhỏ được hàn kín 02 đầu, bên trong 03 bịch nylon nhỏ đều có chứa những hạt tinh thể rắn màu trắng, dạng hạt nhỏ nghi là ma túy tổng hợp (Được niêm phong theo Biên bản niêm phong ngày 17/4/2020, ký hiệu A); 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu "JET" mất nắp đậy; 01 (một) xe mô tô hiệu DREAM biển kiểm soát 66F8-7625, màu nâu. Và thu giữ trên người P, gồm: Số tiền 2.200.000 đồng (Được niêm phong theo Biên bản niêm phong ngày 17/4/2020, ký hiệu B); 01 (một) Điện thoại di động Mobell màu đen xanh có IMEI1: 810033600855760, IMEI2: 810034600855760 đã qua sử dụng (Được niêm phong theo Biên bản niêm phong ngày 17/4/2020, ký hiệu C).

Ngày 17/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành cho Trần Minh P nhận dạng: 01 (một) bịch nylon dạng nắp kẹp được để trong một vỏ bao thuốc lá hiệu JET, bên trong bịch ny lon có 03 bịch nylon nhỏ được hàn kín 02 đầu, bên trong 03 bịch nylon nhỏ đều có chứa những hạt tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy đá do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ lúc bắt

quả tang. Trần Minh P xác nhận đây là bịch ma túy của Phú tàng trữ ngày 17/4/2020.

Tại Bản kết luận giám định số: 319/KL-KTHS ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 03 bịch nylon hàn kín đựng trong 01 bịch nylon dạng nắp kẹp, được niêm phong trong bao thư ghi niêm phong A gửi giám định đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 0,278 gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ). Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư ký hiệu A có khối lượng 0,231 gam đã được niêm phong trả cho Cơ quan trưng cầu giám định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Quá trình điều tra xác định:

- Đối với 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu DREAM biển kiểm soát 66F8-7625 do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ khi bắt quả tang là của ông Trần Văn B đứng tên sở hữu. Việc Trần Minh P lấy làm phương tiện đi mua ma túy về sử dụng ông B không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông B.

- Đối với số tiền 2.200.000 đồng là của chị Trần Thị Tuyết H, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền trên cho chị H.

- Đối với 01 (một) Điện thoại di động Mobell, màu đen xanh có số IMEI1: 810033600855760, IMEI2: 810034600855760 đã qua sử dụng là của Trần Minh P. Do điện thoại này không liên quan đến việc tàng trữ ma túy và P đồng ý để cho vợ là chị Trần Thị Tuyết H nhận thay, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho vợ của P.

Quá trình điều tra ông Trần Văn B và chị Trần Thị Tuyết H đều không có ý kiến hay đề nghị gì khác về xử lý vật chứng. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay đề nghị gì khác về xử lý vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSLVo ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đ đã truy tố Trần Minh P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm, quyết định truy tố Trần Minh P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Minh P mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù; Không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu và tiêu hủy:

+ Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư ký hiệu A có khối lượng 0,231 gam đã được niêm phong trả cho cơ quan trưng cầu giám định theo biên bản niêm phong ngày 20/4/2020 là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ;

+ 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu "JET" mất nắp đậy, do không có giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tranh luận gì với Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Với hành vi của bị cáo Trần Minh P thực hiện như nội dung vụ án đã trình bày ở trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò đã truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Vấn đề này, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *"Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một*

trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam". Và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất dấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người,…) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy; thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc định tội.

Theo đó, bị cáo P có hành vi cất giấu ma túy trong túi quần Jean, phía trước, bên phải và trong lúc bị cáo khom người xuống nhét bịch ma túy vào trong vỏ bao thuốc lá hiệu JET, thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang, kết quả giám định là loại Methamphetamine, có khối lượng 0,278 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo P đã thỏa mãn dấu hiệu về mặt khách quan của tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận hành vi thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo P phù hợp với lời khai của bị cáo và những người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản nhận dạng ngày 17/4/2020, kết luận giám định ngày 20/4/2020, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết ma tuý là chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép. Nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện, bất chấp hậu quả. Khối lượng chất ma túy mà bị cáo tàng trữ, cất giấu là 0,278 gam loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo P là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến việc độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy ở tất cả các khâu của quá trình quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đồng thời, ma túy còn là chất gây nghiện nguy hiểm, không chỉ làm suy kiệt về kinh tế, sức khỏe của người nghiện mà còn có thể làm hạn chế hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của người nghiện. Hơn nữa, ma túy còn là mầm mống lan truyền các căn bệnh xã hội và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Minh P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, bản Cáo trạng số 21/CT-VKSLVo ngày 29/6/2020 của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thể hiện thông qua việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, phạm tội không có tính chất vụ lợi, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư ký hiệu A có khối lượng 0,231 gam đã được niêm phong trả cho cơ quan trưng cầu giám định theo biên bản niêm phong ngày 20/4/2020 là chất thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu "JET" mất nắp đậy, không có giá trị sử dụng. Do đó, cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích nêu trên, cho thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự, mức hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết tội và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, nên bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 18/4/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định trong bao thư ký hiệu A có khối lượng 0,231 gam đã được niêm phong ngày 20/4/2020;

+ 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu "JET" mất nắp đậy.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Minh P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- CQCSĐT Công an huyện L;
- Nhà tạm giữ Công an huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thành Nhân